

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2025/DS-ST**

Ngày: 12-02-2025.

*“V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Minh Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Phạm Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2024/TLST- DS, ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T1. Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền số: 84/QĐ-PGD ngày 27/05/2020 của Giám đốc Phòng giao dịch huyện U Minh Thượng – có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Công T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Vĩnh H, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ T1 trình bày:

Thời gian từ năm 2016 đến năm 2018 ông Lê Công T (*Gọi tắt là ông T*) có vay Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (*gọi tắt là ngân hàng*) 02 lần, cụ thể:

Ngày 21/06/2016 ông T vay theo diện Hộ nghèo mã món vay 6600000707779787, số tiền 30.000.000 đồng, món nợ này đã quá hạn gốc 30.000.000 đồng, từ ngày 13/6/2020. Lãi tính đến ngày 12/02/2025 là 4.513.000 đồng và

Ngày 28/03/2018 ông T vay theo diện nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn mã món vay 6600000712378733, số tiền 12.000.000 đồng, món nợ này đã quá hạn gốc 10.800.000 đồng, từ ngày 10/05/2024. Lãi tính đến ngày 12/02/2025 là 5.300.000 đồng.

Người đại diện ngân hàng bà T1 yêu cầu ông T trả nợ tính đến ngày 12/02/2025, tổng cộng là 50.613.000đ. Trong đó, nợ gốc 40.800.000 đồng và nợ lãi 9.813.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kể từ ngày 13/02/2025 đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn ông Lê Công T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án thể hiện từ khi vay cho đến ngày 10/10/2018 ông T có trả tiền cho ngân hàng đối với món vay số 6600000712378733, vay gốc 12.000.000 đồng, trả được nợ gốc 1.200.000 đồng và nợ lãi 1.496.549 đồng, ông T còn nợ gốc 10.800.000 đồng (Tức là $12.000.000đ - 1.200.000đ = 10.800.000đ$), Bút lục số 05; còn đối với món vay số 6600000707779787, vay số tiền 30.000.000 đồng, ông T có trả nợ lãi cho ngân hàng được số tiền 6.420.081 đồng. Như vậy, ông T còn nợ ngân hàng đối với hai món vay nêu trên với nợ gốc là 40.800.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện ngân hàng bà T1 yêu cầu ông T trả nợ cho ngân hàng tính đến ngày 12/02/2025, tổng số là 50.613.000đ. Trong đó, nợ gốc 40.800.000 đồng và nợ lãi 9.813.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kể từ ngày 13/02/2025 đến khi thanh toán dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, buộc ông T phải trả cho ngân hàng tiền vay gốc đến ngày 12/02/2025, tổng số là 50.613.000đ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kể từ ngày 13/02/2025 đến khi thanh toán dứt nợ.

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Công T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn T không có yêu cầu phản tố, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn ông T.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ngân hàng chính sách xã hội với bị đơn ông Lê Công T là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Cụ thể ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu ông T trả tiền vay gốc là 40.800.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 12/02/2025 là 9.813.000 đồng.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng đòi bị đơn ông T trả tiền vay còn thiếu là 40.800.000 đồng, HĐXX nhận thấy: Ngày 21/6/2016 và ngày 28/3/2018 ông T có ký hợp đồng vay ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng, tổng hai lần vay số tiền 42.000.000 đồng, cụ thể:

Ông T vay theo diện Hộ nghèo mã món vay 6600000707779787, ngày 21/6/2016, số tiền 30.000.000 đồng và ngân hàng đã giải ngân cho ông T ngày 21/6/2016 số tiền 30.000.000 đồng (Bút lục số 04). Sau đó, ông T có thực hiện theo hợp đồng, có đóng tiền lãi suất cho ngân hàng từ ngày 13/8/2016 đến ngày 10/9/2019 được số tiền 6.420.081 đồng, nhưng từ ngày 11/9/2019 đến ngày 12/02/2025 ông T không thanh toán cho ngân hàng, còn nợ ngân hàng gốc 30.000.000 đồng và lãi 4.513.000 đồng.

Ông T vay theo diện nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn mã món vay 6600000712378733, ngày 28/3/2018 số tiền 12.000.000 đồng, ngân hàng đã giải ngân cho ông T ngày 28/03/2018 số tiền 12.000.000 đồng. Ngày 10/5/2018 đến ngày 10/01/2022 ông T có trả cho ngân hàng nợ gốc 1.200.000 đồng và lãi 1.496.549 đồng, nhưng từ ngày 11/01/2022 đến ngày 12/02/2025 ông T không thanh toán cho ngân hàng, còn nợ gốc 10.800.000 đồng, lãi 5.300.000 đồng.

Việc ông T có trả nợ gốc và lãi như đã nêu trên, được đại diện nguyên đơn bà T1 thừa nhận là đúng. Tại biên bản xác minh ngày 06/01/2025 của Tòa án ông T, có địa chỉ tại ấp Hòa B, xã Vĩnh H, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G, cha mẹ ông T là cụ ông Lê Công T3, cụ bà Nguyễn Thị H đều chết.

Từ những cơ sở nêu trên thấy rằng ông T là bên đi vay và có nợ tiền gốc của ngân hàng hai lần vay nợ gốc 40.800.000 đồng là có thật, nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ là có căn cứ để chấp nhận. Buộc ông T trả cho ngân hàng tổng cộng là 50.613.000đ. Trong đó, nợ gốc 40.800.000 đồng và nợ lãi suất 9.813.000 đồng.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng phù hợp với nhận định của HĐXX, là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của phía nguyên đơn được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch $50.613.000đ \times 5\% = 2.530.000$ đồng.

Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 290, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 3 Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng chính sách xã hội đối với bị đơn ông Lê Công T về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc ông Lê Công T có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội nợ gốc và lãi tính đến ngày 12/02/2025, số tiền 50.613.000 đồng (Năm mươi triệu, sáu trăm mười ba nghìn đồng).

Ngoài ra, ông Lê Công T còn phải trả cho ngân hàng chính sách xã hội tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký số:

6600000707779787, ngày 21/6/2016 và số: 6600000712378733, ngày 28/3/2018. Lãi suất tính từ ngày 13/02/2025 đến khi tất toán xong nợ.

Các bên trực tiếp giao nhận tiền tại ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Lê Công T phải chịu số tiền 2.530.000 đồng (Hai triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Danh Hoàng